TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ - ST
Ngày 12/01/2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lợi và Ông Lương Quang Toán.

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thụy – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị B, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- *Bị đơn:* Anh Chúc Minh Q, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do, đã được triệu tập hợp lệ).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2025, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Triệu Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Triệu Thị B và anh Chúc Minh Q qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 06/5/2011. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống ở thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tính cách không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Q nhiều lần có hành vi đe doạ, xúc phạm chị B. Sau đó nhiều năm tiếp

theo vợ chồng liên tục cãi vã, xô xát nên đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Kể từ khi ly thân thì anh chị không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Chúc Minh Q.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Chúc Phượng V, sinh ngày 20/3/2011. Khi ly hôn, chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Chúc Minh Q đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (anh Q đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị B, cho chị Triệu Thị B được ly hôn anh Chúc Minh Q.

+ Về con chung: Giao cháu Chúc Phượng V, sinh ngày 20/3/2011 cho chị Triệu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định.

+ Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Q không phải chịu án phí.

+ Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

+ Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Chúc Minh Q; Anh Chúc Minh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang.

Theo cung cấp của Công an xã N, đại diện thôn N thì anh Chúc Minh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang nhưng nay đi làm ăn xa tại tỉnh khác và không thông báo địa chỉ cụ thể, lần gần nhất anh Q có mặt tại địa phương là vào khoảng giữa năm 2025. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Q đến Tòa án để làm việc nhưng anh Q vắng mặt không có lý do nên được xác định là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Chúc Minh Q vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị B và anh Chúc Minh Q là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 06/5/2011. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống, do có nhiều mâu thuẫn và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 09/12/2025 với đại diện thôn N, xã N (BL.52) và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn vợ chồng anh chị có nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, xảy ra cãi vã, mặc dù đã được thôn khuyên bảo, hoà giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Xác định kể từ khi ly thân giữa anh chị đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh Q đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều

51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị B, cho chị B được ly hôn anh Chúc Minh Q.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị B và anh Q có 01 con chung là cháu Chúc Phượng V, sinh ngày 20/3/2011. Khi ly hôn, chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy mặc dù cháu Chúc P Vững có nguyện vọng được bố trực tiếp nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, nhưng trên thực tế thì cháu V đã ở cùng chị B kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, hằng ngày ngoài chị B là người chăm sóc cháu thì không còn ai khác (do bố mẹ của chị B và bố mẹ của anh Q đều đã chết), mọi chi phí sinh hoạt, học tập của cháu đều do chị B là người chăm lo, chi trả còn anh Q đi làm xa ít có sự quan tâm đến con, khoảng 02-03 tháng anh Q mới về thăm gia đình 01 lần, mỗi lần chỉ ở nhà 01-02 ngày và cũng không rõ khi nào anh Q mới tiếp tục có mặt tại gia đình và nơi cư trú. Do vậy cần căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu C Phượng V cho chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Triệu Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định; anh Chúc Minh Q không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị B.

1. Về Hôn nhân: Cho chị Triệu Thị B được ly hôn anh Chúc Minh Q *(Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 06/5/2011 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang).*

2. Về con chung: Giao cháu Chúc Phượng V, sinh ngày 20/3/2011 cho chị Triệu Thị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chúc Minh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* và được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0001255 ngày 07/11/2025 (Chị B đã nộp đủ tiền án phí). Anh Chúc Minh Q không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *VKSND khu vực 3- Tuyên Quang;*
- *THA Dân sự tỉnh Tuyên Quang;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã Nà Hang (Nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Dương Văn Tiến